| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN TRỤ**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2018.
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Lê Văn Tuấn;

2/ Ông Nguyễn Văn Còn.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Tuấn Phan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 22/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 26/2018/TLST- HNGĐ ngày 06/3/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: **Bà Lê Thị D**, sinh năm: 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện H, tỉnh Đ.

*2. Bị đơn:* **Ông Trần Văn L**, sinh năm: 19xx. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số x, ấp B, xã B, huyện T,tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên năm 2012 bà và ông Trần Văn L sống chung, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số x ngày xx/xx/2013.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Vợ chồng sống chung một thời gian thì phất sinh mâu. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên đánh bà. Vợ chồng không còn chung sống và cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 10/2014 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn L.

Vợ chồng có con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 14/7/2012 và Trần Phúc Long G, sinh ngày 04/11/2013 hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Bà D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn ông Trần Văn L trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Do ông L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Trần Văn L vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Trần Văn L. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn bà D yêu cầu được ly hôn với ông L, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông L không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông L cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 10/2014 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà D và ông L có đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày x/x/2013, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh ông L không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 14/7/2012 và Trần Phúc Long G, sinh ngày 04/11/2013 hiện đang sống với bà D. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà D trình bày con chung hiện đang sống chung với bà từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của con chung không bị ảnh hưởng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho bà D được tiếp tục giữ nuôi Trần Minh K và Trần Phúc Long G. Bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[8] Án phí: Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị D và ông Trần Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 14/7/2012 và Trần Phúc Long G, sinh ngày 04/11/2013 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí: Bà Lê Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006277 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
*-TAND tỉnh Long An.*
*-VKSND huyện Tân Trụ.*
*-CC THA DS huyện Tân Trụ.*
*-Các đương sự.*
*- UBND xã B, huyện Tân Trụ;*
*- Lưu hồ sơ, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**